BỘ TƯ PHÁP

BỘ TƯ PHÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 10/2016/TT-BTP	*Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2016*

THÔNG TƯ
Quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật

Căn cứ Luật phổ biến, giáo dục pháp luật ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phổ biến, giáo dục pháp luật;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ phổ biến, giáo dục pháp luật,

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về việc công nhận, miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật; công nhận, cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật và một số biện pháp bảo đảm hoạt động của báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật.

Điều 2. Phạm vi hoạt động của báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật

1. Báo cáo viên pháp luật của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ quan Trung ương của tổ chức thành viên của Mặt trận (sau đây gọi là báo cáo viên pháp luật Trung ương) thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật trên phạm vi toàn quốc.

2. Báo cáo viên pháp luật của cơ quan nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức thành viên của Mặt trận tỉnh, thành phố trực thuộc Trung

ương (sau đây gọi là báo cáo viên pháp luật tỉnh) thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi công nhận báo cáo viên pháp luật.

3. Báo cáo viên pháp luật của cơ quan nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức thành viên của Mặt trận quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là báo cáo viên pháp luật huyện) thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương nơi công nhận báo cáo viên pháp luật.

4. Tuyên truyền viên pháp luật ở xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là tuyên truyền viên pháp luật) thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn xã, phường, thị trấn nơi công nhận tuyên truyền viên pháp luật.

Chương II
CÔNG NHẬN, MIỄN NHIỆM BÁO CÁO VIÊN PHÁP LUẬT

Điều 3. Công nhận báo cáo viên pháp luật

1. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ quan Trung ương của tổ chức thành viên của Mặt trận (sau đây gọi là Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương) căn cứ vào yêu cầu công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và điều kiện thực tế chỉ đạo tổ chức pháp chế, đơn vị được giao phụ trách công tác pháp chế, phổ biến, giáo dục pháp luật của Bộ, ngành, đoàn thể mình lựa chọn cán bộ, công chức, viên chức và sỹ quan trong lực lượng vũ trang nhân dân có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật phổ biến, giáo dục pháp luật để Thủ trưởng Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương có văn bản đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp xem xét, quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật Trung ương.

2. Cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh), Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận cấp tỉnh, Công an, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Cục Thi hành án dân sự cấp tỉnh, Bộ Tư lệnh Thủ đô, Bộ chỉ huy quân sự, Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng và cơ quan nhà nước cấp tỉnh khác (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức cấp tỉnh) căn cứ vào yêu cầu công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và điều kiện thực tế chỉ đạo tổ chức pháp chế, đơn vị được giao phụ trách công tác pháp chế, phổ biến, giáo dục pháp luật của cơ quan, tổ chức mình lựa chọn cán bộ, công chức, viên chức và sỹ quan trong lực lượng vũ trang nhân dân có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật phổ biến, giáo dục pháp luật để Thủ

trưởng cơ quan, tổ chức cấp tỉnh có văn bản đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật gửi Sở Tư pháp tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật tỉnh.

3. Cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp huyện), Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận cấp huyện, Công an, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Chi cục Thi hành án dân sự cấp huyện, Ban chỉ huy quân sự và cơ quan nhà nước cấp huyện khác (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức cấp huyện) căn cứ vào yêu cầu công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và điều kiện thực tế lựa chọn cán bộ, công chức, viên chức và sỹ quan trong lực lượng vũ trang nhân dân có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật phổ biến, giáo dục pháp luật và có văn bản đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật gửi Phòng Tư pháp tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật huyện.

4. Số lượng báo cáo viên pháp luật của Bộ, ngành, đoàn thể, cơ quan, tổ chức do Thủ trưởng Bộ, ngành, đoàn thể, cơ quan, tổ chức quyết định bảo đảm mỗi lĩnh vực pháp luật thuộc phạm vi quản lý chuyên sâu có ít nhất 01 báo cáo viên pháp luật kiêm nhiệm thực hiện hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật.

5. Văn bản đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật phải có đầy đủ các thông tin sau đây của người được đề nghị công nhận:

a) Họ và tên;

b) Chức vụ, chức danh (nếu có) và cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác;

c) Trình độ chuyên môn;

d) Lĩnh vực pháp luật chuyên môn sâu dự kiến kiêm nhiệm thực hiện hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật.

6. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật có đầy đủ thông tin quy định tại khoản 5 Điều này, cơ quan có thẩm quyền quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật xem xét, ra quyết định công nhận. Quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật được gửi tới Bộ, ngành, đoàn thể, cơ quan, tổ chức đề nghị công nhận và báo cáo viên pháp luật; được thông báo công khai theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 của Thông tư này.

Trường hợp văn bản đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật không có đủ thông tin quy định tại khoản 5 Điều này thì trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản, cơ quan tiếp nhận có văn bản đề nghị bổ sung thông tin.

7. Báo cáo viên pháp luật có các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 36 Luật phổ biến, giáo dục pháp luật kể từ khi Quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật

1. Các trường hợp miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật bao gồm:

a) Tự nguyện xin thôi làm báo cáo viên pháp luật vì lý do sức khỏe, hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do chính đáng khác;

b) Không còn là cán bộ, công chức, viên chức, sỹ quan trong lực lượng vũ trang nhân dân hoặc chuyển công tác khỏi cơ quan, tổ chức đã đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật;

c) Không còn đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật phổ biến, giáo dục pháp luật;

d) Từ chối không thực hiện hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật theo sự phân công của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý trực tiếp mà không có lý do chính đáng từ 03 lần trở lên;

đ) Thực hiện một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 9 Luật phổ biến, giáo dục pháp luật;

e) Bị Tòa án kết án và bản án đã có hiệu lực pháp luật;

g) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự theo quy định của Bộ luật dân sự.

2. Báo cáo viên pháp luật thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, Thủ trưởng Bộ, ngành, đoàn thể, cơ quan, tổ chức đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật có văn bản đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật gửi đến Bộ Tư pháp (đối với báo cáo viên pháp luật Trung ương), Sở Tư pháp (đối với báo cáo viên pháp luật tỉnh), Phòng Tư pháp (đối với báo cáo viên pháp luật huyện) và thông báo cho báo cáo viên pháp luật biết lý do.

Văn bản đề nghị miễn nhiệm phải có đầy đủ các thông tin sau đây của báo cáo viên pháp luật được đề nghị miễn nhiệm:

a) Họ và tên;

b) Chức vụ, chức danh (nếu có) và cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác;

c) Số, ngày, tháng, năm của Quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật;

d) Lý do của việc đề nghị miễn nhiệm.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị miễn nhiệm, cơ quan có thẩm quyền công nhận báo cáo viên pháp luật ra quyết định miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật. Quyết định miễn nhiệm được gửi tới Bộ, ngành, đoàn thể, cơ quan, tổ chức đề nghị miễn nhiệm và báo cáo viên pháp luật bị miễn nhiệm; được công bố công khai theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 của Thông tư này.

Trường hợp văn bản đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật không có đầy đủ các thông tin quy định tại khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, cơ quan tiếp nhận có văn bản đề nghị bổ sung thông tin.

4. Kể từ khi Quyết định miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật có hiệu lực thi hành, người bị miễn nhiệm chấm dứt tư cách báo cáo viên pháp luật.

5. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo về việc đề nghị miễn nhiệm, báo cáo viên pháp luật được kiến nghị với Thủ trưởng Bộ, ngành, đoàn thể, cơ quan, tổ chức về đề nghị miễn nhiệm. Quyết định của Thủ trưởng Bộ, ngành, đoàn thể, cơ quan, tổ chức đề nghị miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật là ý kiến cuối cùng.

6. Tổ chức pháp chế, đơn vị được giao phụ trách công tác pháp chế, phổ biến, giáo dục pháp luật của Bộ, ngành, đoàn thể, cơ quan, tổ chức là đầu mối tham mưu, giúp Thủ trưởng Bộ, ngành, đoàn thể, cơ quan, tổ chức thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều này.

Chương III
CÔNG NHẬN, CHO THÔI LÀM TUYÊN TRUYỀN VIÊN PHÁP LUẬT

Điều 5. Công nhận tuyên truyền viên pháp luật

1. Căn cứ vào yêu cầu công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và nhu cầu, điều kiện thực tế trên địa bàn cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận tuyên truyền viên pháp luật, bảo đảm có đủ nguồn lực để triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn.

2. Định kỳ tháng 9 hàng năm, công chức tư pháp - hộ tịch chủ trì, phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận, Trưởng thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố, khu phố, khối phố và cộng đồng dân cư khác (sau đây gọi là địa bàn cơ sở) và người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn cấp xã thông báo công khai tiêu chuẩn tuyên truyền viên pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật phổ biến, giáo dục pháp luật; các quy định về công nhận tuyên truyền viên pháp luật tới cơ quan, đơn vị và người dân trên địa bàn cơ sở để tự nguyện đăng ký tham gia làm tuyên truyền viên pháp luật.

3. Căn cứ danh sách tự nguyện đăng ký tham gia làm tuyên truyền viên pháp luật từ địa bàn cơ sở, thực trạng đội ngũ công chức của Ủy ban nhân dân cấp xã và nhu cầu xây dựng đội ngũ tuyên truyền viên pháp luật, công chức tư pháp - hộ tịch rà soát, lập danh sách người đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật phổ biến, giáo dục pháp luật trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, công nhận tuyên truyền viên pháp luật.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách đề nghị công nhận tuyên truyền viên pháp luật của công chức tư pháp - hộ tịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ra quyết định công nhận tuyên truyền viên pháp luật.

5. Quyết định công nhận tuyên truyền viên pháp luật được gửi cho công chức tư pháp - hộ tịch, Trưởng ban công tác Mặt trận và tuyên truyền viên pháp luật; được công bố công khai theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 của Thông tư này.

Điều 6. Cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật

1. Các trường hợp cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật bao gồm:

a) Tự nguyện xin thôi làm tuyên truyền viên pháp luật vì lý do sức khỏe, hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do chính đáng khác;

b) Thực hiện một trong các hành vi bị cấm theo quy định tại Điều 9 Luật phổ biến, giáo dục pháp luật;

c) Bị Tòa án kết án và bản án đã có hiệu lực pháp luật;

d) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự theo quy định của Bộ luật dân sự.

2. Khi tuyên truyền viên pháp luật thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, công chức tư pháp - hộ tịch trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ra quyết định cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật. Quyết định cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật được gửi cho Trưởng ban công tác Mặt trận, tuyên truyền viên pháp luật và được công bố công khai theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 của Thông tư này.

4. Kể từ khi Quyết định cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật có hiệu lực thi hành, người được cho thôi chấm dứt tư cách tuyên truyền viên pháp luật.

Chương IV
MỘT SỐ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG CỦA BÁO CÁO VIÊN PHÁP LUẬT, TUYÊN TRUYỀN VIÊN PHÁP LUẬT

Điều 7. Biện pháp củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật

1. Bộ, ngành, đoàn thể, cơ quan, tổ chức đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật và Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm sau đây:

a) Thường xuyên rà soát, củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật thuộc phạm vi quản lý;

b) Cung cấp văn bản quy phạm pháp luật, thông tin, tài liệu pháp luật chuyên ngành cho báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật thuộc phạm vi quản lý;

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp (đối với Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương), Sở Tư pháp (đối với cơ quan, tổ chức cấp tỉnh), Phòng Tư pháp (đối với cơ quan, tổ chức cấp huyện) hoặc chỉ đạo công chức tư pháp - hộ tịch (đối với Ủy ban nhân dân cấp xã) tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức pháp luật, kỹ năng nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật cho báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật thuộc phạm vi quản lý;

d) Định kỳ 06 tháng, hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo Bộ Tư pháp (đối với Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương), Sở Tư pháp (đối với cơ quan, tổ chức cấp tỉnh), Phòng Tư pháp (đối với cơ quan, tổ chức cấp huyện) và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phòng Tư pháp (đối với Ủy nhân dân cấp xã) về kết quả xây dựng, củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật thuộc phạm vi quản lý.

2. Tổ chức pháp chế, đơn vị được giao phụ trách công tác pháp chế, phổ biến, giáo dục pháp luật chủ trì, tham mưu giúp lãnh đạo Bộ, ngành, đoàn thể, cơ quan, tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp có trách nhiệm hướng dẫn cơ quan, tổ chức cùng cấp thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này và có nhiệm vụ sau đây:

a) Chủ trì tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức pháp luật, kỹ năng nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật cho báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật thuộc phạm vi địa bàn quản lý;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn cơ quan, tổ chức cùng cấp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 3 của Thông tư này tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức pháp luật, kỹ năng nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật cho báo cáo viên pháp luật thuộc phạm vi quản lý;

c) Định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc đột xuất, Sở Tư pháp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Tư pháp; Phòng Tư pháp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện và Sở Tư pháp về kết quả xây dựng, củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật ở địa phương.

4. Công chức tư pháp - hộ tịch chủ trì, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Thời gian thực hiện báo cáo quy định tại điểm d khoản 1, điểm c khoản 3 Điều này được thực hiện theo quy định của Bộ Tư pháp hướng dẫn về hoạt động thống kê của ngành Tư pháp.

Điều 8. Biện pháp quản lý, sử dụng đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật

1. Bộ, ngành, đoàn thể, cơ quan, tổ chức đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật và Ủy ban nhân dân cấp xã có các nhiệm vụ sau đây:

a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản hướng dẫn, kế hoạch, chương trình hoạt động của báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật thuộc phạm vi quản lý;

b) Kiểm tra, sơ kết, tổng kết, khen thưởng, xử lý vi phạm về hoạt động của báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật thuộc phạm vi quản lý;

c) Tạo điều kiện về thời gian, kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện bảo đảm cho báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật thuộc phạm vi quản lý thực hiện hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật;

d) Rà soát, thẩm định và chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc rà soát, thẩm định đối với danh sách người dự kiến đề xuất cơ quan có thẩm quyền công nhận, miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật; công nhận, cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật; bảo đảm đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật có đủ tiêu chuẩn và hoạt động hiệu quả;

đ) Giới thiệu báo cáo viên pháp luật tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị về lĩnh vực hoạt động chuyên môn chuyên sâu mà báo cáo viên pháp luật được phân công kiêm nhiệm; cử tuyên truyền viên pháp luật tham gia thực hiện hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật tại địa bàn cơ sở;

e) Không cử và giới thiệu báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật thực hiện hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật khi thuộc trường hợp bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử hoặc chờ kết luận của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến hành vi quy định tại điểm đ, điểm g khoản 1 Điều 4 và điểm b, điểm d khoản 1 Điều 6 của Thông tư này.

2. Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, công chức tư pháp - hộ tịch giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp; tổ chức pháp chế, đơn vị được giao phụ trách công tác pháp chế, phổ biến, giáo dục pháp luật giúp Thủ trưởng Bộ, ngành, đoàn thể, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 của Thông tư này thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này và có trách nhiệm sau đây:

a) Phân công, giới thiệu báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật thuộc phạm vi quản lý cho cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu để thực hiện hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật;

b) Công bố công khai danh sách báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật; Quyết định công nhận báo cáo viên pháp luật, Quyết định miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật, Quyết định công nhận tuyên truyền viên pháp luật, Quyết định cho

thôi làm tuyên truyền viên pháp luật thuộc phạm vi quản lý trên Cổng thông tin điện tử/Trang thông tin điện tử hoặc niêm yết tại trụ sở của cơ quan, tổ chức, đơn vị (trường hợp không có Cổng thông tin điện tử/Trang thông tin điện tử);

c) Định kỳ 06 tháng, hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu Bộ, ngành, đoàn thể, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Thông tư này, tổ chức pháp chế hoặc đơn vị được giao công tác pháp chế, phổ biến, giáo dục pháp luật báo cáo cơ quan Tư pháp cùng cấp (Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp) về kết quả hoạt động của báo cáo viên pháp luật thuộc phạm vi quản lý; Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, công chức tư pháp - hộ tịch báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp và cơ quan Tư pháp cấp trên về kết quả hoạt động của báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật thuộc phạm vi quản lý. Thời gian thực hiện báo cáo theo quy định của Bộ Tư pháp hướng dẫn về hoạt động thống kê của ngành Tư pháp.

Điều 9. Biện pháp bảo đảm về tài chính cho hoạt động của báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật

1. Kinh phí bảo đảm cho công tác quản lý và hoạt động của báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật do ngân sách nhà nước cấp hàng năm trong dự toán kinh phí chi về phổ biến, giáo dục pháp luật theo quy định của pháp luật ngân sách và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Thù lao cho hoạt động của báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật được thực hiện theo quy định của pháp luật về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

3. Hàng năm, Bộ Tư pháp, tổ chức pháp chế, đơn vị được giao phụ trách công tác pháp chế, phổ biến, giáo dục pháp luật của Bộ, ngành, đoàn thể, cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 3 của Thông tư này, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, công chức tư pháp - hộ tịch phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp lập dự toán kinh phí bảo đảm cho hoạt động của báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật thuộc quyền quản lý, trình Bộ Tài chính, lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Hiệu lực thi hành và quy định chuyển tiếp

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2016 và thay thế Thông tư số 21/2013/TT-BTP ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư

pháp quy định trình tự, thủ tục công nhận, miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật; công nhận, cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật và một số biện pháp bảo đảm hoạt động của báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật.

2. Báo cáo viên pháp luật đã được công nhận theo quy định của Thông tư số 21/2013/TT-BTP ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định trình tự, thủ tục công nhận, miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật; công nhận, cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật và một số biện pháp bảo đảm hoạt động của báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật còn đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 35 của Luật phổ biến, giáo dục pháp luật tiếp tục là báo cáo viên pháp luật, không phải công nhận lại.

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp; thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp; lãnh đạo tổ chức pháp chế, các đơn vị được giao phụ trách công tác pháp chế, phổ biến, giáo dục pháp luật của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận; Giám đốc Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Thông tư này./

BỘ TRƯỞNG

Lê Thành Long